

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HS-ST

Ngày: 15-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú;
2. Ông Dương Hải Long.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến—Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh Tuấn V; sinh ngày 19 tháng 11 năm 1995; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: G15 KQH M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ: Đỗ Thị Trọng H, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại địa chỉ G15 KQH M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có mặt)*

-Bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1962, nơi cư trú: 62/3 đường X, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Nguyễn Minh Tuấn V giới thiệu cho bà Lê Thị T mua lại của ông Nguyễn Xuân N quyền sử dụng diện tích 1.500m² đất tại Thôn M, phường G, thành phố Đ chưa được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay, bà T hỏi V lô đất này có làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không? Lúc này, V biết rõ bản thân không thể làm được thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà T nhưng do cần tiền tiêu xài

nên V nói với bà T là làm được và đề nghị bà T để V đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T với giá dịch vụ là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Bà T tin tưởng và đồng ý. Ngày 31/8/2018 bà T đưa trước cho V số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng cùng giấy tờ mua bán đất và thông tin cá nhân cho V để V đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, V hẹn với bà T khi nào nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Thúy sẽ đưa hết số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng còn lại cho V. Đến ngày 10/12/2018, V đến nhà bà T nói với bà T là đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà T đưa số tiền còn lại cho V đi nhận giấy chứng nhận cho bà T. Lúc này, bà T nói bà chỉ còn 70.000.000 đồng nên V đồng ý nhận số tiền 70.000.000 đồng của bà T. Ngày 12/12/2018, V gọi điện nói bà T đến nhà V để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bà T đến thì không gặp V, mà V nhờ bố là ông Nguyễn Văn Đ đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 673561 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp năm 2018 cho bà T. Khoảng 02 tháng sau, bà T phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là giả, bà T nhiều lần gọi điện thoại cho V để nói chuyện nhưng V đều trốn tránh nên bà T đến Cơ quan điều tra công an thành phố Đà Lạt tố cáo hành vi của V.

Tại Cơ quan điều tra, V khai nhận để có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho bà T, V đã sử dụng mạng xã hội Facebook cá nhân đăng thông tin cần làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên các trang mua bán về nhà đất thì có 02 đối tượng tên T (sau đây tạm gọi là T1 và T2) liên hệ nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho V. Lúc đầu, V đã đưa cho đối tượng tên T1 số tiền 10.000.000 đồng nhưng sau đó V không liên lạc được với T1 nữa. Khoảng sau 1 tuần thì có đối tượng T2 liên hệ với V và nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 100.000.000 đồng thì V đồng ý. V đã cung cấp thông tin tên tuổi và địa chỉ và giấy tờ mua bán đất của vợ chồng bà Lê Thị T cho T2. Sau đó, T2 gặp V nhận số tiền 100.000.000 đồng và đưa cho V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 673561 nói trên. Khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, V biết rõ đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhưng V vẫn giao cho bà T để chiếm đoạt số tiền mà bà T đã đưa cho V.

Vật chứng thu giữ: 02 giấy nhận tiền của Nguyễn Minh Tuấn V ghi ngày 31/8/2018 và ngày 10/12/2018 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA673561 được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 79/GĐ-PC09 ngày 10/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 673561 là giả.

- Hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG – TỈNH LÂM ĐỒNG” trên tài liệu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn S dưới mục “Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký Nguyễn S trên các tài liệu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 không phải do một người ký ra.

Bị hại là: bà Lê Thị T bị chiếm đoạt số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Quá trình điều tra, bị cáo V đã bồi thường cho bà T toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng, bà T không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho V.

Cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Nguyễn Minh Tuấn V về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo quy định tại khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Tuấn V phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 03 -04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 24 - 30 tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thể hiện ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của

bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Mặc dù biết bản thân không làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T, tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Minh Tuấn V đã sử dụng lời nói gian dối khẳng định mình làm được và đề nghị bà T để Việt đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T với giá dịch vụ là 120.000.000 đồng nên bà T đã tin tưởng và đồng ý. Ngày 31/8/2018, V đã nhận của bà T số tiền 40.000.000 đồng và hứa hẹn với bà T sẽ nhận số tiền còn lại khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/12/2020, bị cáo V tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà T tin tưởng giao tiếp cho V số tiền 70.000.000 đồng, sau đó V đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA673561 là tài liệu giả để giao cho bà Lê Thị T nhằm chiếm đoạt của bà T tổng số tiền là 110.000.000 (*một trăm mười triệu đồng*). Hành vi của bị cáo V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối và sử dụng giấy tờ giả của cơ quan Nhà nước để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện để chiếm đoạt của bị hại với số tiền 110.000.000 đồng là số tiền lớn, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi của bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Điều 174 và 341 Bộ luật hình sự đều quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà T đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

[8] Quá trình điều tra, bị cáo V khai nhận có 02 đối tượng T1 và T2 nhận làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T và T2 là người giao giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo V không cung cấp được thông tin, nhân thân và lai lịch của hai đối tượng này, Cơ quan điều tra cũng đã xác minh dữ liệu điện tử nhưng chưa có căn cứ xác định bị cáo V có liên hệ với 02 đối tượng này nên chưa có cơ sở để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ là người được bị cáo nhờ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà T, quá trình điều tra xác định ông Đ không biết gì về hành vi của bị cáo V, khi được V nhờ thì ông Đ cũng không biết đây là giấy tờ giả nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Đ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Tuấn V phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Minh Tuấn V **03 (ba)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Minh Tuấn V **02 (hai)** năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Minh Tuấn V chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **05 (năm)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên